TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2022/DS-ST
Ngày: 21 - 4 - 2022
"V/v Tranh chấp hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Kim Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Huỳnh Văn Thanh.

2/ Ông Đinh Văn Tùng.

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Đang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Trong các ngày 15 và ngày 21 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 893/2022/TLST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng góp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2022/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2022/QĐST-DS ngày 31 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Phạm Thị H, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện L, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1975.

Bà Đặng Thị Kim N, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** Tại đơn khởi kiện ngày 09/02/2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phạm Thị H trình bày:

Bà có tham gia 02 dây hụi do bà Đặng Thị Kim N, ông Nguyễn Văn B làm chủ hụi, cụ thể:

Dây 1: Hụi khui ngày 25/01/2019 (âm lịch), hụi loại 2.000.000 đồng/tháng, hụi gồm 27 phần, bà tham gia 01 phần. Bà đã đóng được 26 kỳ. Đến kỳ 27 bà hốt hụi thì bà N tuyên bố bể hụi. Số tiền bà N, ông B nợ bà là 52.000.000 đồng.

Dây 2: Hụi khui ngày 14/12/2019 (âm lịch), hụi loại 2.000.000 đồng/tháng, hụi gồm 24 phần, bà tham gia 02 phần. Bà đã đóng được 16 kỳ với số tiền 64.000.000 đồng. Tuy nhiên, do bà N, ông B đang khó khăn nên bà giảm cho bà N, ông B một phần. Bà yêu cầu ông N, bà B trả cho bà số tiền ở dây hụi này là 50.000.000 đồng.

Tổng số tiền bà yêu cầu bà N, ông B trả 102.000.000 đồng.

Tuy nhiên, khi tham gia chơi hụi bà và bà N có thỏa thuận, đối với hụi loại 2.000.000 đồng, tiền thảo 800.000 đồng/phần. Do đó, bà đồng ý cấn trừ tiền đầu thảo là 2.400.000 đồng cho bà N, ông B, số tiền còn lại bà N, ông B phải trả cho bà là 99.600.000 đồng, trả vào ngày 01/7/2022, không yêu cầu tính lãi số tiền trên.

* Tại bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Đặng Thị Kim N, ông Nguyễn Văn B trình bày:

Bà Đặng Thị Kim N là chủ hụi. Bà Phạm Thị H có tham gia 02 dây hụi như bà H trình bày, cụ thể như sau:

Dây 1: Hụi khui ngày 25/01/2019 (âm lịch), hụi loại 2.000.000 đồng/tháng, bà đã đóng được 26 kỳ với số tiền 39.000.000 đồng.

Dây 2: Hụi khui ngày 14/12/2019 (âm lịch), hụi loại 2.000.000 đồng/tháng, bà đã đóng được 16 kỳ với số tiền 42.500.000.000 đồng.

Khi tham gia chơi hụi bà N và các hụi viên có thỏa thuận, trong trường hợp hốt hụi hoặc bể hụi thì số tiền hụi viên đã đóng trước đó mặc nhiên sẽ được trả lại theo tiền hụi chết của từng dây hụi nhưng do hoàn cảnh bà N, ông B đang khó khăn không có khả năng chi trả nên bà N, ông B xin bà H cho trả tiền hụi theo tiền hụi đã đóng của từng kỳ khui hụi với số tiền 81.500.000 đồng, trả vào ngày 01/7/2022.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bà Phạm Thị H với bà Đặng Thị Kim N, ông Nguyễn Văn B cùng thừa nhận thống nhất đối với các dây hụi đã tham gia, số hụi viên, loại hụi và bà H chưa hốt hụi thì bà N tuyên bố bể hụi.

Xét yêu cầu khởi kiện của bà H yêu cầu bà N, ông B trả số tiền hụi 99.600.000 đồng: Khi tham gia chơi hụi và góp hụi, các bên thỏa thuận vào thời điểm hốt hụi hoặc sau khi bể hụi thì số tiền hụi viên đã đóng trước đó mặc nhiên sẽ được trả lại theo tiền hụi chết của từng dây hụi. Do đó, yêu cầu khởi kiện của

bà H là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc bà Đặng Thị Kim N, ông Nguyễn Văn B có trách nhiệm liên đới trả cho bà Phạm Thị H số tiền 99.600.000 đồng, trả vào ngày 01/7/2022.

[2] Xét yêu cầu xin trả tiền hụi theo tiền hụi sống đã đóng ở mỗi kỳ khui hụi của từng dây hụi của bà N, ông B là không đảm bảo quyền lợi cho bà H nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Yêu cầu tính lãi: Bà H không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bà Đặng Thị Kim N, ông Nguyễn Văn B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 471, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự;

- Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H.

1. Buộc bà Đặng Thị Kim N, ông Nguyễn Văn B có nghĩa vụ liên đới phải trả cho bà Phạm Thị H số tiền 99.600.000 đồng, trả vào ngày 01/7/2022.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Bà Đặng Thị Kim N, ông Nguyễn Văn B có nghĩa vụ liên đới chịu số tiền 4.980.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho bà Phạm Thị H số tiền tạm ứng án phí là 2.900.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001785 ngày 28/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Trần Kim Loan